

IMO II 33.5.1 CH-e ASC Surveillance Report

Vùng nuôi Tân Hòa
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn
Quốc lộ 30, phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ



Cơ quan chứng nhận: IMOswiss AG (IMO)
Người soạn: Tran Xuan Sang
Ngày: 09.12.2014

Báo cáo này để công bố công khai và không chứa các thông tin bảo mật

Mục lục

| | |
|---|---|
| Thuật ngữ viết tắt..... | 3 |
| 1. Executive Summary | Fehler! Textmarke nicht definiert. |
| 2. Thông tin liên lạc của cơ quan chứng nhận | 4 |
| 3. Khái quát vùng nuôi áp dụng | 4 |
| 4. Phạm vi..... | 4 |
| 5. Kế Hoạch đánh giá | 5 |
| 6. Các điểm được tìm thấy..... | 5 |
| 7. Đánh giá kết quả..... | 6 |
| 8. Quyết định | 6 |
| 9. Báo cáo điểm không phù hợp | 7 |
| 10. <i>Kế hoạch đánh giá tiếp theo</i> | 8 |
| Phụ Lục | 10 |
| Phụ Lục 1 | 10 |
| Phụ lục 1: kết quả đánh giá P1-6 | 10 |
| Phụ lục 2. kết quả đánh giá P7 | 10 |
| Phụ lục 3: Phân loại điểm không phù hợp..... | 10 |
| Phụ lục 4. Biểu mẫu 1– YÊU CẦU GIẢI THÍCH | 12 |
| Phụ lục 5. Sự đệ trình của các bên có liên quan | 13 |

Thuật ngữ viết tắt

| | |
|------|----------------------------|
| ASI | Tổ chức Chứng nhận Quốc tế |
| CC | Hội đồng chứng nhận IMO |
| d | Ngày |
| IMO | IMOsuisse AG |
| TOS | Tori Spence |
| Lead | Đánh giá viên chính |
| MIS | Michèle Stark |
| UOC | Đơn vị chứng nhận |
| XTS | Xuan Tran Sang |
| JU | Julia Unger |

1. Tóm tắt

Bất cứ phiên bản của báo cáo bằng ngôn ngữ khác tiếng Anh là một bản dịch chưa được thẩm định, và trong trường hợp có sự khác biệt phiên bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên.

Vùng nuôi Tân Hòa được đánh giá giám sát định kỳ lần thứ hai chứng nhận ASC. Báo cáo này chỉ bao gồm việc đánh giá giám sát định kỳ vùng nuôi Tân Hòa.

Vùng nuôi Tân Hòa được đánh giá dựa theo nguyên tắc 1 tới 6 trong 2 ngày. Đánh giá được thực hiện bởi 1 đánh giá viên, sử dụng tiếng Việt.

Trong phần đánh giá môi trường, 0 có lỗi chính yếu, 1 lỗi thứ yếu (1 lỗi được đóng trước khi công bố báo cáo), không có lỗi khuyến cáo được đưa ra.

Bên cạnh đánh giá các điểm liên quan đến nuôi, phạm vi đánh giá cũng bao gồm: thu hoạch, vận chuyển đến chế biến. Chứng nhận CoC được yêu cầu từ điểm lên hàng, từ ghe vận chuyển.

IMO xác định rằng tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn được đáp ứng đầy đủ và khẳng định tiếp tục cấp giấy chứng nhận cho vùng nuôi Tân Hòa. Chứng nhận hiện tại vẫn có giá trị và tái chứng nhận sẽ được yêu cầu vào tháng 10.09.2015.

2. Thông tin liên lạc của cơ quan chứng nhận

IMOsuisse AG (IMO)
Fisheries & Aquaculture
Weststr. 51
8570 Weinfelden, Switzerland

Tel: 0041-71-626 0 626 (general)

Email: aqua@imo.ch

Website: www.imo.ch

3. Khái quát vùng nuôi áp dụng

Công Ty CP Vĩnh Hoàn là nhà chế biến và xuất khẩu cá tra/ basa (*Pangasius Hypophthalmus* and *Pangasius Bocourti*). Vĩnh Hoàn hoạt động tại tỉnh Đồng Tháp – Đồng Bằng Sông Cửu Long. Công ty có quy trình sản xuất khép kín từ vùng nuôi đến chế biến và xuất khẩu.

Vùng nuôi Tân Hòa là 1 trong các vùng nuôi đang áp dụng tiêu chuẩn ASC. Vùng nuôi tọa lạc tại cồn Tân Hòa với 28ha, năng suất hàng năm khoảng 8400 MT. Công ty sử dụng thức ăn của Vĩnh Hoàn 1 để cung cấp cho các vùng nuôi của công ty và trại giống cá tra.

Đánh giá lần đầu vào tháng 6/2012.

Vùng nuôi này không có chứng nhận khác

Năng suất của trại nuôi: 8400 tấn/năm

4. Phạm vi

Cuộc đánh giá được thực hiện theo tiêu chuẩn ASC cho cá tra lần soát xét 1.0

Loài được nuôi sản xuất tại trại: *Pangasius hypophthalmus*

Phạm vi đánh giá: Vùng nuôi Tân Hòa, *Pangasius Hypophthalmus*.

Nơi cung cấp nước: sông Mekong

Đánh giá định kỳ không bao phủ toàn bộ các chỉ tiêu như là đánh giá chứng nhận hoàn chỉnh (đánh giá lần đầu, tái đánh giá mỗi 3 năm). Phạm vi của đánh giá định kỳ bao gồm các tiêu chí quan trọng. Mẫu được lấy theo: a) Quy trình và thực hiện các điểm không phù hợp; b) hệ thống quản lý; c) Tuân thủ luật lệ và quy định; d) Khiếu nại hoặc tố cáo không phù hợp với yêu cầu ASC; e) 1 mẫu của các điểm (nhiều trại) và các hồ sơ để thẩm tra hệ thống quản lý hiệu quả và phù hợp 74; f) kế hoạch hoạt động và các nhân tố của chu kỳ sản xuất. Đánh giá định kỳ không bao gồm phỏng vấn cộng đồng.

5. Kế Hoạch đánh giá

| Hoạt động | Nơi làm việc | Người đánh giá | Ngày* |
|-----------------------------------|-------------------|----------------|---------------|
| Chứng nhận lần đầu | Vùng nuôi Tân Hòa | TXS | 11.9.2012 |
| Đánh giá định kỳ (Nguyên tắc 1-6) | Vùng nuôi Tân Hòa | TXS | 11&12.08.2014 |
| Đánh giá định kỳ (Nguyên tắc 7) | NA | NA | NA |
| Họp các bên liên quan | NA | NA | NA |
| Báo cáo đánh giá gửi ASC | Trụ sở chính IMO | JU | 04.02.2015 |

* Các phiên bản của bài báo cáo trước đây chưa được công bố công khai.

Cuộc đánh giá được thực hiện với sự tham gia của Mr Phương (Trưởng vùng cá tra), Ms Yen (Tổng trưởng chất lượng nuôi), Ms Phương (kỹ thuật). Các nhân viên kỹ thuật, công nhân khác tham gia vào cuộc đánh giá tùy theo trách nhiệm của họ và các tiêu chí được đánh giá.

Không có sự tham gia của công đồng và các bên liên quan, không tham gia phỏng vấn cộng đồng trong lần đánh giá thứ 2.

Trong lần đánh giá định kỳ đầu tiên vào 2013, vùng nuôi Tân Hòa được đánh giá theo tiêu chí 1 đến 6 trong một ngày. Việc đánh giá được thực hiện bởi một đánh giá viên người Việt và được sự chứng kiến của ASI (Cơ quan Công nhận Quốc tế).

Trong phần đánh giá môi trường, 0 có lỗi chính yếu, 1 lỗi thứ yếu (1 lỗi được đóng trước khi công bố báo cáo), không có lỗi khuyến cáo được đưa ra. Trong phần đánh giá xã hội, đánh giá đã kiểm tra các hành động khắc phục của các điểm không phù hợp được tìm thấy trong lần đánh giá đầu tiên vào tháng 6/2012 và tìm thấy sự phù hợp. Không có điểm chính yếu, thứ yếu và khuyến cáo.

6. Các điểm được tìm thấy

Chi tiết các bằng chứng phù hợp được tìm thấy trong khi đánh giá cho mỗi tiêu chí của tiêu chuẩn có thể xem ở phụ lục 01.

Tất cả các điểm không phù hợp của đánh giá định kỳ và hành động khắc phục được liệt kê trong mục 10 của báo cáo này. Các khuyến cáo hoặc các điểm không phù hợp đã được đóng không được liệt kê ở báo cáo này và có thể xem trong phụ lục 1.

Để biết chi tiết của các bên liên quan nhận được trong suốt quá trình cấp giấy chứng nhận, xin vui lòng xem Phụ lục 5.

Kiểm soát và phân tích nước được thấy là hoàn toàn phù hợp.

Nhìn chung, vùng nuôi được đánh giá có sự chuẩn bị kỹ cho đánh giá. Đánh giá viên có thể xem tất cả các tài liệu yêu cầu. Vùng nuôi được quản lý tốt, hoạt động nuôi được ghi nhận đầy đủ, nhân viên được đào tạo tốt để thực hiện các quy trình nội bộ.

Vùng nuôi có kế hoạch mở rộng vùng nuôi thêm 4 ao với tổng diện tích là 54,605m² và 1 ao lan71 với 29,950m²).

Chính vì thế, vùng nuôi chuẩn bị thêm ao chứa bùn để chứa bùn thay vì chỉ cho các hộ dân xung quanh như trước đây. Ao chứa bùn được sử dụng để lắng bùn trước khi chuyển cho dân or hoặc trong trường hợp người chưa có nhu cầu

Sự mô tả tình trạng chứng nhận có thể tìm thấy trong phần 8 của báo cáo này

7. Đánh giá kết quả

Chi tiết của các bằng chứng phù hợp cho mỗi tiêu chí trong tiêu chuẩn có thể được tìm thấy trong phụ lục 1 của báo cáo này.

8. Quyết định

IMO khẳng định tình trạng chứng nhận hiện tại của vùng nuôi Tân Hòa..

9. Xác định sự bắt đầu của COC

Đánh giá rủi ro – chuỗi sản xuất tại trại

L: ít rủi ro: không có các hoạt động gây ra rủi ro hoặc có 1 hệ thống kiểm soát chắc chắn tại chỗ (e.g: giấy phép)

M: rủi ro trung bình: có các hoạt động xảy ra tại trại nhưng có hệ thống kiểm soát tốt tại trại.

H: rủi ro cao: các hoạt động đã xảy ra, có nguy cơ trộn lẫn và hệ thống kiểm soát sẵn có chưa đầy đủ

| Ref to CR | Integrity of certified products | Associated risk | Rationale |
|-----------|--|-----------------|--|
| 17.5.1 | hệ thống sử dụng | L | Hệ thống kiểm soát sẵn có theo tiêu chuẩn ASC, và hệ thống tại chỗ minh bạch. |
| 17.5.1.2 | Cơ hội của sự thay thế trước khi thu hoạch | M | Ít động cơ để thay thế. |
| 17.5.1.3 | Khả năng lấy sản phẩm từ bên ngoài vùng chứng nhận | M | Vĩnh Hoàn có 1 vài vùng nuôi khác không được chứng nhận ASC. Tuy nhiên, Vĩnh Hoàn có duy trì hệ thống truy xuất nội bộ và dòng sản phẩm. |
| 17.5.1.4 | Thành thật trong hệ thống quản lý | L | hệ thống kiểm soát chắc chắn |
| 17.5.1.5 | Các hoạt động vận chuyển đang có | L | Không có hoạt động vận chuyển đang diễn ra. |
| 17.5.1.6 | Số lượng và/ hoặc vị trí của điểm thu hoạch | L | Thu hoạch được thực hiện cho tại mỗi ao. |
| | Đánh giá rủi ro chung | M | |

Nếu cơ quan chứng nhận xác định hệ thống này là đủ, các sản phẩm có thể nhập vào chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) và có đủ điều kiện để dán nhãn ASC.

| |
|---|
| <p>Phạm vi của giấy chứng nhận nuôi trồng thủy sản, bao gồm cả các điểm của sự thay đổi quyền sở hữu sau khi cấp giấy chứng nhận COC là cần thiết:</p> <p>Bên cạnh ao nuôi, phạm vi của đánh giá chứng nhận CoC bao gồm thu hoạch, quản lý từ thu hoạch đến vận chuyển bằng tàu đến nhà máy chế biến.</p> |
|---|

Nếu cơ quan chứng nhận xác định hệ thống này là chưa đủ, các sản phẩm không thể nhập vào chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) và có đủ điều kiện để dán nhãn ASC.

| |
|---|
| <p>Các sản phẩm sau không thể đưa vào chuỗi hành trình sản phẩm và không được dán nhãn ASC:</p> |
| N/a |

Xác định này sẽ vẫn có hiệu lực cho đến khi sửa đổi, bổ sung bởi cơ quan chứng nhận trong lần đánh giá tiếp theo.

10. Báo cáo điểm không phù hợp

| Nhà Sản Xuất: Vinh Hoan - vùng nuôi Tân Hòa | | | | | |
|---|------|-----------|---|--|--------------------------------------|
| N° of CC | Năm | Phân loại | Điểm không phù hợp (tổng hợp) | Hành động | Thời hạn |
| 4.5.1c | 2013 | m | <p><u>Thể tích ao chứa bùn:</u> <u>Có 2 ao chứa bùn chuẩn bị cho sử dụng.</u> <u>Tổng diện tích ao:</u> <u>162,172m²</u> <u>Tổng diện tích ao chứa bùn: 1916m²; độ sâu:</u> <u>3.7m</u> <u>Chính vì thế, thể tích tổng của ao chứa bùn là: 7,089.2m³ trong khi yêu cầu tối thiểu của ASC là 31,859.6 m³</u></p> | <p>Phân tích nguyên nhân: Tổng thể tích ao chứa bùn nhỏ hơn yêu cầu của ASC là do: Vùng nuôi kiểm soát thức ăn tốt thông qua việc chọn lựa nhà cung cấp thức và kiểm soát lượng cho ăn tốt, nên tổng thể tích bùn thải ra rất thấp. Tổng lượng bùn từ tháng 8/2013-8/2014 là 9408m³. Tuy nhiên, chúng tôi chuyển bùn đến các hộ dân xung quanh, trong trừ lại vùng nuôi. Nếu tính thêm thể tích chứa bùn của của các hộ dân xung quanh, tổng thể tích ao chứa là phù hợp theo tiêu chuẩn. Bùn được sử dụng làm phân bón rất tốt cho cây nên nhu cầu xin bùn của các hộ dân là rất lớn. Hành động khắc phục: Chúng tôi bổ sung thêm thông tin các ao chứa của hộ</p> | <p>Thẩm tra trong lần tiếp theo.</p> |

| Nhà Sản Xuất: Vinh Hoan - vùng nuôi Tân Hòa | | | | | |
|---|-----|-----------|-------------------------------|---|----------|
| N° of CC | Năm | Phân loại | Điểm không phù hợp (tổng hợp) | Hành động | Thời hạn |
| | | | | dẫn bên ngoài vào danh sách các ao chứa bùn của vùng nuôi. Bằng chứng: Danh sách các ao chứa bùn. -Thời gian hoàn thành: 20.08.14 | |

N ° CC: số các tiêu chí tuân thủ chưa hoàn thành (ví dụ như 1.1.1). Trong trường hợp nghi ngờ cho thấy chương của báo cáo.

Năm: năm đầu tiên khi điểm không phù hợp đã được quan sát.

Cat. phân loại lỗi: khuyến cáo, thứ yếu hoặc chính yếu

Điểm không phù hợp: khác biệt với tiêu chuẩn

Kế hoạch hành động: để sửa chữa sự không phù hợp quy định của công ty và được sự chấp thuận của IMO. Thực hiện biện pháp khắc phục sẽ được hoàn thành trước thời hạn.

Hạn chót: ngày khi IMO sẽ đánh giá việc thực hiện các biện pháp khắc phục.

Tình trạng: Tình trạng thực hiện các biện pháp khắc phục: thực hiện, một phần thực hiện, không thực hiện

Khuyến cáo: (không có kế hoạch hành động cần thiết)

Lỗi nhỏ: không phù hợp thứ yếu: xem Phụ lục 3

Lỗi lớn: không phù hợp chính yếu: xem Phụ lục 3

11. Kế hoạch đánh giá tiếp theo

| | |
|---|---------|
| Kế hoạch giám sát lần tiếp theo (năm, tháng) | NA |
| Hoàn thành tái chứng nhận ba năm một lần, chậm nhất (năm): báo cáo công khai | 09/2015 |

IMO có quyền thực hiện các cuộc đánh giá không báo trước theo thủ tục hoạt động tiêu chuẩn của IMO. Tương tự như vậy, đánh giá bổ sung có thể được thực hiện trong khuôn khổ các xem xét các tài liệu.

Bình luận thêm của nhà sản xuất:

Không

Nhà sản xuất đồng ý thực hiện các kế hoạch hành động/ biện pháp khắc phục. Quyết định cấp giấy chứng nhận cuối cùng được thực hiện bởi các nhân viên chịu trách nhiệm về chứng nhận tại IMO.

Khẳng định của nhà sản xuất

Tên và chữ ký

Tan Hoa, 22.10.2014

Khẳng định của auditor

Tran Xuan Sang _____ Tan Hoa, 22.10.2014

Phụ Lục

Phụ Lục 1

Phụ lục 1a: kết quả đánh giá P1-6

Xin vui lòng xem file riêng. Thông tin dưới đây là bảo mật và được loại khỏi báo cáo công khai”

- Dữ liệu giám sát nước và phân tích.

Phụ lục 2a. kết quả đánh giá P7

Xin vui lòng xem file riêng

Phụ lục 3: Phân loại điểm không phù hợp.

Điểm không phù hợp nhẹ:

a.

Trong lần đánh giá đầu tiên, cơ quan chứng nhận có thể đề nghị người nộp đơn xác nhận một kế hoạch hành động để giải quyết các điểm không phù hợp đã được đồng ý bởi cả khách hàng và cơ quan chứng nhận.

i. *Kế hoạch hành động bao gồm một mô tả ngắn gọn:*

A. Các nguyên nhân gốc rễ không phù hợp

B. Các hành động khắc phục được thực hiện được dự định để giải quyết thỏa đáng không hợp.

C. Khung thời gian để thực hiện hành động khắc phục.

ii. *Điểm không phù hợp nhỏ có thể được gia hạn một lần cho thời gian tối đa 1 năm nếu thực hiện đầy đủ các hành động khắc phục là không thể do hoàn cảnh ngoài sự kiểm soát của khách hàng.*

b) *Cơ quan chứng nhận có thể nâng thành lỗi nặng nếu lỗi nhẹ bị lặp lại theo 1 yêu cầu đặt biệt.*

c) *Cơ quan chứng nhận có trách nhiệm yêu cầu tất các lỗi nhỏ phải được giải quyết trong thời gian đánh giá tiếp theo (trong 1 năm)*

Điểm không phù hợp nặng:

- a) Các cơ quan chứng nhận có trách nhiệm yêu cầu các lỗi chính yếu phải được được giải quyết thỏa đáng bởi bên được đánh giá.
- i. Trước khi cấp giấy chứng nhận được cấp.
 - ii. Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày đánh giá hoặc đánh giá lại được yêu cầu.
 - iii. Nguyên nhân của sự không phù hợp được xác định.
- b) Trong trường hợp lỗi lớn được đưa ra trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, cơ quan chứng nhận có trách nhiệm yêu cầu:
- i. Người giữ chứng nhận giải quyết sự không phù hợp trong thời hạn tối đa ba tháng
 - ii. *Điểm không phù hợp lớn có thể được gia hạn một lần cho thời gian tối đa 3 tháng nữa nếu thực hiện đầy đủ các hành động khắc phục là không thể do hoàn cảnh ngoài sự kiểm soát của khách hàng.*
 - iii. Nguyên nhân của sự không phù hợp được xác định.

Phụ lục 4. Biểu mẫu 1– YÊU CẦU GIẢI THÍCH

Mẫu này là sự đệ trình yêu cầu của cơ quan đánh giá gửi cho ASC yêu cầu giải thích các yêu cầu quy chuẩn ASC và hoặc yêu cầu những thay đổi từ các yêu cầu quy phạm cụ thể.

I Yêu cầu của bên đánh giá

| | | | |
|---|-----------------|--------------------------|----------------------|
| 1.1 TÊN CỦA CƠ QUAN ĐÁNH GIÁ | 1.2 NGÀY | 1.3 NGƯỜI LIÊN HỆ | 1.4 EMAIL |
| IMO | XXX | Tori Spence | tori@imo-control.org |
| 1.5 TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA ASC | | | |
| NA | | | |
| 1.6 THÔNG TIN CƠ BẢN (GIẢI THÍCH LÝ DO CỦA VẤN ĐỀ) | | | |
| | | | |
| 1.7 NHẬN XÉT HÀNH ĐỘNG/QUYẾT ĐỊNH | | | |
| | | | |

II Quyết định của ASC

| | |
|--|----------------------------|
| 2.1 TÌNH TRẠNG | 2.2 NGÀY QUYẾT ĐỊNH |
| <input type="checkbox"/> HOÀN THÀNH | |
| 2.3 XÁC NHẬN CỦA ASC DỰA TRÊN SỰ THAY ĐỔI | |
| | |
| 2.3 GIẢI THÍCH | |
| | |

Phụ lục 5. Sự đệ trình của các bên có liên quan

Phụ lục này bao gồm văn bản hoặc thông tin từ chứng từ khác và cơ quan cấp giấy chứng nhận trả lời cho từng đệ trình

| Thời hạn tư vấn công khai | Sự đệ trình của các bên có liên quan | Phản hồi của IMO |
|---|---|------------------|
| Thông báo đánh giá (30 ngày trước khi đánh giá chính thức) | Không có thông tin phản hồi của các bên liên quan | Không áp dụng |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| Công khai báo cáo nhập (10 ngày từ khi công khai bản báo cáo) | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |